

Số: /TM-KSBT

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2025

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Mua hoá chất, vật tư y tế xét nghiệm dịch vụ khám sức khỏe năm 2025

Kính gửi: Các đơn vị quan tâm có đủ năng lực

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên kính mời các đơn vị tham gia chào giá gói thầu “Mua hoá chất, vật tư y tế xét nghiệm dịch vụ khám sức khỏe năm 2025”, cụ thể như sau:

1. Nội dung yêu cầu báo giá:

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

2. Hiệu lực báo giá: 01 bản báo giá chi tiết theo phụ lục, có chữ ký và đóng dấu đại diện hợp pháp của đơn vị cung cấp. Báo giá có giá trị trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký báo giá.

3. Giá hàng hóa: Bao gồm giá hàng hoá và các loại thuế, chi phí bảo quản và tất cả các chi phí phát sinh khác có liên quan đến việc cung cấp hàng hoá vận chuyển đến Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên.

3. Hạn nộp báo giá:

Trước 8h00p, ngày 05 tháng 9 năm 2025 theo các hình thức sau:

Bản scan gửi qua email: tochucytdp@gmail.com

Hoặc Bộ phận văn thư Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên

Địa chỉ: Số 971, đường Dương Tự Minh - Phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên.

Điện thoại liên hệ: 02083 858 356.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, D-VTYT.

GIÁM ĐỐC

Hoàng Anh

Phụ lục
DANH MỤC HÀNG HOÁ

(Kèm theo Thư mời số /TM-KSBT ngày tháng năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên)

TT	Danh mục hoá chất, vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Ngày giao hàng		Giá (bao gồm thuế và các chi phí liên quan)	Ghi chú
										Sớm nhất	Muộn nhất		
1	IVD pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học	Thành phần chính: Sodium chloride $\leq 0.9\%$; Potassium chloride $\leq 0.06\%$; Buffer $\leq 0.3\%$; Preservative $\leq 0.1\%$. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương. Phù hợp cho máy Celltac anpha MEK 6420K Thùng 20 lít	G7	Thùng	2								
2	IVD ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học	Thành phần chính: Detergent $\leq 4.0\%$ Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương. Phù hợp cho máy Celltac anpha MEK 6420K Chai 500ml	G7	Chai	1								
3	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích huyết học	Thành phần chính: Detergent $\leq 0.5\%$; Sodium chloride $\leq 1.0\%$; Buffer $\leq 0.3\%$; Preservative $\leq 0.2\%$. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương. Phù hợp cho máy Celltac anpha MEK 6420K Can 5 lít	G7	Can	1								
4	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học	Dùng cho việc bảo trì và làm sạch máy phân tích huyết học. Thành phần chính: Sodium hypochlorite $\leq 8.0\%$; Sodium hydrate $\leq 2.0\%$. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương. Phù hợp cho máy Celltac anpha MEK 6420K. Can 5 lít	G7	Can	1								

TT	Danh mục hoá chất, vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Ngày giao hàng		Giá (bao gồm thuế và các chi phí liên quan)	Ghi chú
										Sớm nhất	Muộn nhất		
5	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm huyết học	Thành phần chính: Healthy mammal blood (pig), preservatives and cell stabilizers... Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương Phù hợp cho máy Celltac anpha MEK 6420K	G7	Lọ	1								
6	Thuốc thử xét nghiệm định lượng glucose	Xét nghiệm xác định hoạt độ enzyme bằng tia UV (phương pháp hexokinase) để định lượng glucose Khoảng tuyến tính: 0,6–45,0 mmol/l (10–800 mg/dl) Thành phần: PIPES buffer; ATP; NAD ⁺ ; Mg ²⁺ ; Hexokinase; G6P-DH; Preservative... Phù hợp cho máy Beckman Coulter AU400. Đóng gói 1 hộp: R1: 4 x 25 ml; R2: 4x12.5ml	Châu Âu	Hộp	1								
7	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ure	Xét nghiệm Kinetic UV để định lượng urê Khoảng tuyến tính: 0,8–50 mmol/l (5–300 mg/dl) Thành phần: Tris buffer; NADH; Tetra-Sodium diphosphate; EDTA; 2-Oxoglutarate; Urease; ADP; GLDH; Preservative... Phù hợp cho máy Beckman Coulter AU400. Đóng gói: R1: 4x53ml + R2: 4x53ml	Châu Âu	Hộp	1								
8	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng creatinin	Xét nghiệm động lực màu (phương pháp Jaffé) để định lượng creatinin Khoảng tuyến tính: 5–2.200 µmol/L (0,06–25 mg/dL) Thành phần: Sodium hydroxide; Picric acid... Phù hợp cho máy Beckman Coulter AU400. Đóng gói: R1: 4x51ml + R2: 4x51ml	Châu Âu	Hộp	1								

TT	Danh mục hoá chất, vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Ngày giao hàng		Giá (bao gồm thuế và các chi phí liên quan)	Ghi chú
										Sớm nhất	Muộn nhất		
9	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AST	Xét nghiệm Kinetic UV để định lượng aspartate aminotransferase, EC 2.6.1.1 (AST) Khoảng tuyến tính: 3–1.000 U/L Thành phần: Tris buffer, pH 7.65 (37°C); L-aspartate; 2-Oxoglutarate; LDH; MDH; NADH; chất bảo quản... Phù hợp cho máy Beckman Coulter AU400. Đóng gói: R1: 4x25ml + R2: 4x25ml	Châu Âu	Hộp	1								
10	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ALT	Xét nghiệm Kinetic UV để định lượng alanine aminotransferase, EC 2.6.1.2 (ALT) Khoảng tuyến tính: 3–500 U/L (0,05–8,33 µkat/L) Thành phần: Tris buffer, pH: 7.15 (37°C); L-Alanine; 2- Oxoglutarate; LDH; NADH; chất bảo quản... Phù hợp cho máy Beckman Coulter AU400. Đóng gói: R1: 4x50ml + R2: 4x25ml	Châu Âu	Hộp	1								
11	Thuốc thử xét nghiệm định lượng acid uric	Xét nghiệm màu sắc enzym để định lượng axit uric Khoảng tuyến tính: 70–1.785 µmol/L (1,5–30 mg/dL) Thành phần: Phosphate Buffer (pH 7.5); MADB; 4-Aminophenazone; Peroxidase; Uricase; Ascorbate Oxidase; chất bảo quản... Phù hợp cho máy Beckman Coulter AU400. Đóng gói: R1: 4x42.3ml + R2: 4x17.7ml	Châu Âu	Hộp	1								
12	Thuốc thử xét nghiệm định lượng cholesterol	Xét nghiệm màu sắc enzym để định lượng cholesterol Khoảng tuyến tính: 0,5–18 mmol/L (20–700 mg/dL) Thành phần: Phosphate buffer (pH 6.5); 4-Aminoantipyrine; Phenol; Cholesterol esterase; Cholesterol oxidase; Peroxidase; chất bảo quản... Phù hợp cho máy Beckman Coulter AU400. Đóng gói: 4x45ml	Châu Âu	Hộp	1								

TT	Danh mục hoá chất, vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Ngày giao hàng		Giá (bao gồm thuế và các chi phí liên quan)	Ghi chú
										Sớm nhất	Muộn nhất		
13	Thuốc thử xét nghiệm định lượng triglyceride	Xét nghiệm màu sắc enzym để định lượng triglyceride Khoảng tuyến tính: 0,1–11,3 mmol/L (10–1.000 mg/dL) Thành phần: PIPES buffer (pH 7.5); Mg ²⁺ ; MADB; 4-Aminoantipyrine; ATP; Lipase Glycerol kinase; Peroxidase; Ascorbate Oxidase; Glycerol-3-phosphate oxidase; chất bảo quản... Phù hợp cho máy Beckman Coulter AU400. Đóng gói: R1: 4x50ml + R2: 4x12.5ml	Châu Âu	Hộp	1								
14	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng 36 thông số sinh hóa	Huyết thanh kiểm chuẩn 1 là chất kiểm chuẩn huyết thanh đông khô, được sử dụng kết hợp với huyết thanh kiểm chuẩn 2 Thành phần: Huyết thanh đông khô có hóa chất phụ gia và enzym thích hợp, chất bảo quản, chất ổn định. Phù hợp cho máy Beckman Coulter AU400. Đóng gói: lọ 5ml	Châu Mỹ	Lọ	2								
15	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng 36 thông số sinh hóa	Huyết thanh kiểm chuẩn 2 là chất kiểm chuẩn huyết thanh đông khô được sử dụng kết hợp với huyết thanh kiểm chuẩn 1 Thành phần: Huyết thanh đông khô có hóa chất phụ gia và enzym thích hợp, chất bảo quản, chất ổn định. Phù hợp cho máy Beckman Coulter AU400. Đóng gói: lọ 5ml	Châu Mỹ	Lọ	2								
16	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng 26 thông số sinh hóa	Chất hiệu chuẩn hệ thống là huyết thanh hiệu chuẩn được sử dụng kết hợp với thuốc thử Thành phần: Huyết thanh, hóa chất phụ gia và enzym thích hợp. Phù hợp cho máy Beckman Coulter AU400. Đóng gói: lọ 5ml	Mỹ	Lọ	1								

TT	Danh mục hoá chất, vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Ngày giao hàng		Giá (bao gồm thuế và các chi phí liên quan)	Ghi chú
										Sớm nhất	Muộn nhất		
17	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích sinh hóa	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa. Thành phần: Baypur; Natri hiđroxit; Genapol; Axit sunfonic, C14-17-sec-alkane, muối natri... Phù hợp cho máy Beckman Coulter AU400. Đóng gói: Can 5 lít	Châu Âu	Can	1								
18	Thuốc thử xét nghiệm định tính/định lượng kháng thể của kháng nguyên bề mặt Hepatitis B	Xét nghiệm miễn dịch enzyme (ELISA) dùng cho cả mục đích định lượng lẫn định tính để xác định kháng thể kháng kháng nguyên bề mặt viêm gan B trong huyết tương và huyết thanh người. Chỉ dùng cho chẩn đoán “in vitro” Phù hợp cho hệ thống ELISA (máy BIORAD 680 và máy BIORAD SG010328) Quy cách Hộp 96 test	G7	Hộp	1								
19	TM-CA 15-3 ELISA	Định lượng chẩn đoán in vitro CA15-3 trong huyết thanh và huyết tương người. Phù hợp cho hệ thống ELISA (máy BIORAD 680 và máy BIORAD SG010328) Quy cách Hộp 96 test	G7	Hộp	1								
20	Khay thử/Que thử xét nghiệm định tính kháng nguyên HBsAg	Xét nghiệm định tính kháng nguyên virus viêm gan B Độ nhạy $\geq 98,5\%$ Độ đặc hiệu $\geq 98,5\%$ Vạch thử nghiệm: Chứa một dải màng được phủ kháng nguyên HBsAg Vạch chứng: Chứa kháng thể Vùng cộng hợp: Chứa keo vàng kết hợp với kháng nguyên HBsAg	Châu Á	Test	300								

TT	Danh mục hoá chất, vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Ngày giao hàng		Giá (bao gồm thuế và các chi phí liên quan)	Ghi chú
										Sớm nhất	Muộn nhất		
21	Khay thử xét nghiệm định tính vi rút viêm gan C	Xét nghiệm định tính kháng thể đặc hiệu kháng HCV trong mẫu huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần. Độ nhạy: $\geq 98,5\%$, Độ đặc hiệu: $\geq 98,5\%$ Vạch xét nghiệm: Chứa một dải màng được phủ kháng nguyên HCV Vạch đối chứng: Chứa kháng thể IgG Vùng cộng hợp: Chứa keo vàng kết hợp kháng nguyên HCV	Châu Á	Test	200								
22	Que thử/ Khay thử xét nghiệm chất gây nghiện trong mẫu nước tiểu	Sử dụng phương pháp sắc kí miễn dịch phát hiện định tính ma túy có trong mẫu nước tiểu: MET (Methamphetamine); AMP (Amphetamine); THC (Marijuana); MOP (Morphine) Độ nhạy $\geq 98\%$ Độ đặc hiệu $\geq 98\%$	Châu Á	Test	25								
23	Đầu côn vàng 200 μ l	Đầu tuýp pipet Chất liệu nhựa PP, công dụng: dùng để hút mẫu, hút dung dịch, Sử dụng cho các loại micropipe, Dung tích: 200 μ l Túi 1000 chiếc	Châu Á	túi	1								
24	Đầu côn xanh 1000 μ l	Đầu tuýp pipet Chất liệu nhựa PP, công dụng: dùng để hút mẫu, hút dung dịch, sử dụng cho các loại micropipe, Dung tích: 1000 μ l Túi 500 chiếc	Châu Á	túi	1								
25	Bộ nhuộm Gram	Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Gram. Gồm 4 lọ dung dịch thuốc nhuộm thành phần: Crystal Violet, Lugol, Alcohol, Safranin, hoặc tương đương	Châu Á	Bộ	1								
26	Nước muối sinh lý 0.9%	Nước tinh khiết, Muối Natri Clorid (NaCl) với nồng độ 0.9%	Châu Á	Chai	1								

TT	Danh mục hoá chất, vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Ngày giao hàng		Giá (bao gồm thuế và các chi phí liên quan)	Ghi chú
										Sớm nhất	Muộn nhất		
27	Lamen	Kích thước 22 x 22 mm dạng vuông, có độ trong suốt cao để soi dưới kính hiển vi.	Châu Á	Miếng	100								
28	Lam kính	Lam kính được mài một đầu, Trong suốt, bề mặt phẳng, không mốc. Kích thước: 25.4 x 76.2 mm. Độ dày: 1 mm -1.2 mm. Hộp 72 miếng	Châu Á	Hộp	3								
29	Túi rác y tế màu vàng	Chất liệu: Nhựa PP/PE, dẻo, dai bền đạt chuẩn chất lượng. Màu vàng. In logo theo quy định. Kích thước: 40x60cm; Có dây rút.	Châu Á	Kg	10								
30	Dung Dịch KOH 20%	Thành phần: KOH, dung môi Dùng trong xét nghiệm da, tóc, móng... Chai 500ml	Châu Á	Chai	1								
Tổng cộng: 30 danh mục													